Chi tiết mã HS 6909.19.00

Mã HS	6909.19.00
Mô tả hàng hóa	Đồ gốm sứ dùng trong phòng thí nghiệm, dùng trong lĩnh vực hóa học hoặc kỹ thuật khác; máng, chậu và các vật chứa tương tự dùng trong nông nghiệp bằng gốm, sứ; bình, hũ, liễn và các sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ dùng trong việc chuyên chở hoặc đóng hàng / - Đồ gốm sứ dùng trong phòng thí nghiệm, dùng trong hóa học hoặc kỹ thuật khác: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 14:21:40
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/69091900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10377
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10377
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10377
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9868
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9819
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9819
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9819
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9819
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9819
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9819
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9871
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9871
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9871
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9871

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9871
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9871
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9872
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9872
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9872
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9872
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9872
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9872
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9873
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9825
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9831
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9831
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9831
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9831
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9831
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9831
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9856
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9856
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9856
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9856
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9856
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9856
VCFTA	2022	2022	0	VC!D9903
VCFTA	2023	2023	0	VC!E9903
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9903
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9903

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9903
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9903
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9894
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9894
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9894
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9894
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9894
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9894
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D9894
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E9894
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F9894
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G9894
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H9894
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9894
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D9905
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E9905
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F9905
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9905
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9905
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9905
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D9904
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E9904
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F9904
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9904
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9904
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9904

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9851
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9851
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9851
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9851
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9851
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9851
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9851
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9888
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9888
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9888
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9888
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9888
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9888
RCEP B	2022	2022	0	B!D9888
RCEP B	2023	2023	0	B!E9888
RCEP B	2024	2024	0	B!F9888
RCEP B	2025	2025	0	B!G9888
RCEP B	2026	2026	0	B!H9888
RCEP B	2027	2027	0	B!I9888
RCEP C	2022	2022	0	C!D9888
RCEP C	2023	2023	0	C!E9888
RCEP C	2024	2024	0	C!F9888
RCEP C	2025	2025	0	C!G9888
RCEP C	2026	2026	0	C!H9888
RCEP C	2027	2027	0	C!I9888
RCEP D	2022	2022	0	D!D9887

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E9887
RCEP D	2024	2024	0	D!F9887
RCEP D	2025	2025	0	D!G9887
RCEP D	2026	2026	0	D!H9887
RCEP D	2027	2027	0	D!I9887
RCEP E	2022	2022	0	E!D9891
RCEP E	2023	2023	0	E!E9891
RCEP E	2024	2024	0	E!F9891
RCEP E	2025	2025	0	E!G9891
RCEP E	2026	2026	0	E!H9891
RCEP E	2027	2027	0	E!I9891
RCEP F	2022	2022	0	F!D9888
RCEP F	2023	2023	0	F!E9888
RCEP F	2024	2024	0	F!F9888
RCEP F	2025	2025	0	F!G9888
RCEP F	2026	2026	0	F!H9888
RCEP F	2027	2027	0	F!I9888
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F9146
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G9146
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H9146
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I9146

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6909.19.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 6909.19.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10377), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.